



# NỚI RỘNG NHỊP HỒI PHỤC

*Câu chuyện hôm nay: OCB –  
Ghi chép gấp Doanh nghiệp*

BẢN TIN SÁNG 17/02/2023





CHÍNH THỨC TRIỂN KHAI TÍNH NĂNG *Mới*

# TÁI TỤC TỰ ĐỘNG

## HỢP ĐỒNG GIAO DỊCH KÝ QUỸ



## NHẬN ĐỊNH VÀ DỰ BÁO THỊ TRƯỜNG

**VN-Index** 1058.3 **▲1.0%**    **VN30** 1055.3 **▲1.1%**    **HNX-Index** 210.8 **▲1.4%**

- ❖ Tiếp nối diễn biến hỗ trợ và hồi phục từ phiên trước, thị trường bước vào phiên mới với sắc xanh. Mặc dù có động thái thận trọng trong phiên và có thời điểm thị trường chuyển sắc đỏ nhưng diễn biến có cải thiện đáng kể khi về cuối phiên giao dịch.
- ❖ Với diễn biến hồi phục được tiếp diễn, hầu hết các nhóm ngành chính đều trong sắc xanh và số lượng cổ phiếu tăng giá chiếm phần lớn trên toàn thị trường. Dẫn dắt là nhóm Dầu khí với diễn biến sôi động từ đầu phiên giao dịch, tiếp đến là nhóm Dệt may, nhóm Thép, nhóm Chứng khoán ...
- ❖ Thị trường tiếp tục nới rộng nhịp hồi phục sau tín hiệu vượt ngưỡng 1.047 điểm của VN-Index trong phiên trước đó, và tiến vào vùng cản 1.055 – 1.065 điểm. Thanh khoản giảm, thể hiện áp lực cung đang tạm thời hạ nhiệt.
- ❖ Áp lực cung có gia tăng quanh ngưỡng 1.055 điểm nhưng cũng chưa gây nhiều sức ép, nhờ vậy thị trường vẫn giữ được đà hồi phục đến cuối phiên giao dịch.
- ❖ Dự kiến, thị trường vẫn còn quán tính hồi phục, tuy nhiên cần lưu ý áp lực cung sẽ gia tăng đáng kể khi VN-Index tiến gần đến vùng 1.065 điểm.

## CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH

- ❖ Quý Nhà đầu tư cần chú ý quan sát diễn biến cung cầu tại vùng cản để đánh giá trạng thái thị trường.
- ❖ Tạm thời nên tránh mua đuổi và trạng thái quá mua, có thể tận dụng nhịp hồi phục hiện tại để cơ cấu theo hướng giảm thiểu rủi ro cho danh mục.

Tín hiệu kỹ thuật VN-Index



Thế giới Mỹ

### **Chứng khoán Mỹ lao dốc vì dữ liệu lạm phát “nóng”, giá dầu cũng đi xuống**

Thị trường chứng khoán Mỹ giảm điểm trong phiên giao dịch ngày thứ Năm (17/2), khi thống kê cho thấy lạm phát cao hơn dự báo và số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu giảm xuống phản ánh sự vững vàng của nền kinh tế, củng cố khả năng Cục Dự trữ Liên bang (Fed) tiếp tục thắt chặt chính sách tiền tệ. Giá dầu thô cũng giảm nhẹ vì mối lo lãi suất và nhu cầu tiêu thụ dầu. [Xem thêm](#)

Thế giới Mỹ

### **Warren Buffett bất ngờ bán 3,7 tỷ USD cổ phiếu công ty chip lớn nhất thế giới**

Động thái chóng vánh bất thường này của nhà đầu tư huyền thoại Warren Buffett đang khiến các nhà đầu tư hoang mang và dè chừng với cổ phiếu TSMC... [Xem thêm](#)

Thế giới Châu Âu

### **ECB sẽ tiếp tục tăng lãi suất vào tháng 3/2023**

Phát biểu trước các nghị sỹ tại Nghị viện châu Âu, bà Lagarde nói rằng ECB dự định sẽ tăng lãi suất thêm 0,5 điểm phần trăm tại cuộc họp sắp tới vào tháng 3/2023 dù cho sức ép lạm phát giảm. [Xem thêm](#)

Thế giới Indonesia

### **BI giữ nguyên lãi suất - tín hiệu tích cực giảm lạm phát**

Theo BI, với những tín hiệu tăng trưởng kinh tế tích cực và chỉ số tiêu dùng trong nước (CPI) ở mức thấp, việc giữ nguyên lãi suất là hợp lý. Trước đó, BI đã tăng lãi suất 6 lần để kiềm chế lạm phát. [Xem thêm](#)

Trong nước Bất động sản

### **“Tin vui” cho thị trường bất động sản TP. HCM**

Hiệp hội bất động sản TP. HCM (HoREA) vừa có thông báo về cam kết của UBND TP. HCM, các Sở, ngành về việc tập trung tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho các dự án bất động sản thuộc thẩm quyền của UBND TP trong thời gian tới. [Xem thêm](#)

Trong nước Bất động sản

### **Bộ Xây dựng kiến nghị giảm lãi suất, nới room hỗ trợ thị trường bất động sản**

Bộ Xây dựng kiến nghị Ngân hàng Nhà nước (NHNN) trong thời gian tới có biện pháp giảm lãi suất cho vay, hỗ trợ thị trường bất động sản. Xem xét nới room tín dụng phù hợp để hỗ trợ cho nền kinh tế trong năm 2023 và các năm tiếp theo... [Xem thêm](#)

Trong nước Vĩ mô

### **Lạm phát tại Việt Nam có phải là vấn đề lớn trong năm 2023?**

Dù áp lực lạm phát được nhiều đơn vị nhận định gia tăng, nhưng các chuyên gia cho rằng lạm phát không phải vấn đề đáng quan ngại nhất của Việt Nam trong năm 2023 và từ tháng 2 trở đi, lạm phát sẽ giảm dần. [Xem thêm](#)

Trong nước Ngành Phân bón

### **Thị trường phân bón 2023: Những tác động đa chiều**

Các doanh nghiệp trong lĩnh vực phân bón đang triển khai nhiều giải pháp để không bị tồn kho cao, trong đó nỗ lực tìm kiếm thị trường xuất khẩu. [Xem thêm](#)

### **Chi phí đầu vào hạ nhiệt, một nhóm ngành sẽ được hưởng lợi từ xu hướng giá tăng trong năm 2023**

VCBS cho rằng chi phí đầu vào sẽ hạ nhiệt do động thái từ Châu Âu nới lỏng lệnh trừng phạt và nguồn cung phân bón gia tăng. [Xem thêm](#)

## Sự kiện trong nước

| Thời gian  | Sự kiện                                 |
|------------|---|
| 01/02/2023 | Công bố PMI (Purchasing Managers Index) |
| 09/02/2023 | MSCI công bố đảo danh mục               |
| 16/02/2023 | Đáo hạn HDTL tháng 2 (VN30F2302)        |
| 28/02/2023 | Quỹ ETF Ishare MSCI cơ cấu lại danh mục |

## Sự kiện thế giới

| Thời gian  | Quốc gia | Sự kiện  |
|------------|----------|--|
| 01/02/2023 | Mỹ       | Công bố chỉ số quản lý thu mua công nghiệp (PMI)           |
| 01/02/2023 | Mỹ       | Công bố "Khảo sát việc làm và luân chuyển lao động (JOLTS) |
| 01/02/2023 | Mỹ       | Thống kê tồn kho dầu thô của EIA                           |
| 02/02/2023 | Mỹ       | FED công bố lãi suất điều hành                             |
| 02/02/2023 | Anh      | BOE công bố chính sách lãi suất và tiền tệ                 |

## LỊCH SỰ KIỆN ĐÁNG CHÚ Ý TRONG THỜI GIAN TỚI

### Sự kiện thế giới

| Thời gian  | Quốc gia | Sự kiện   |
|------------|----------|---|
| 02/02/2023 | Châu Âu  | ECB công bố chính sách lãi suất và tiền tệ          |
| 02/02/2023 | Mỹ       | Thống kê tồn kho khí tự nhiên của EIA               |
| 03/02/2023 | Mỹ       | Công bố tỷ lệ thất nghiệp                           |
| 03/02/2023 | Mỹ       | Công bố chỉ số quản lý thu mua dịch vụ (PMI)        |
| 08/02/2023 | Mỹ       | Thống kê tồn kho dầu thô của EIA                    |
| 09/02/2023 | Mỹ       | Thống kê tồn kho khí tự nhiên của EIA               |
| 10/02/2023 | Châu Âu  | Công bố GDP tháng 1/23                              |
| 14/02/2023 | Mỹ       | Công bố Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 1/23       |
| 15/02/2023 | Châu Âu  | Công bố Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 1/23       |
| 15/02/2023 | Mỹ       | Công bố doanh số bán lẻ tháng 1/23                  |
| 15/02/2023 | Mỹ       | Thống kê tồn kho dầu thô của EIA                    |
| 16/02/2023 | Mỹ       | Chỉ Số Giá PPI tháng 1/23                           |
| 16/02/2023 | Mỹ       | Thống kê tồn kho khí tự nhiên của EIA               |
| 20/02/2023 | Châu Âu  | Khảo sát dự báo chỉ số PMI tháng 2/23               |
| 22/02/2023 | Châu Âu  | Phiên điều trần báo cáo chính sách tiền tệ          |
| 23/02/2023 | Mỹ       | Biên bản cuộc họp FOMC và công bố số điều chỉnh GDP |
| 23/02/2023 | Mỹ       | Thống kê tồn kho khí tự nhiên và dầu thô của EIA    |
| 24/02/2023 | Mỹ       | Công bố chỉ số giá PCE tháng 1/23                   |

**OCB – Ghi chép gấp doanh nghiệp**

Chiều ngày 16/02/2023, chúng tôi đã tham buối gấp gỡ với Ngân hàng TMCP Phương Đông (HSX – OCB) và cập nhật một số thông tin đáng chú ý như sau:

**Cập nhật KQKD quý 4 và cả năm 2022****Lợi nhuận sau thuế Q4/2022 đi ngang so với cùng kỳ nhưng lại tăng mạnh so với quý trước nhờ trích lập dự phòng thấp**

KQKD Q4/2022 của OCB đã có những chuyển biến tích cực, LNST hợp nhất gần như đi ngang sau 4 quý liên tiếp ghi nhận đà giảm mạnh, đạt 1.392 tỷ đồng, -0,6% svck và + 91,4% so với quý trước đó nhờ thu nhập lãi thuần tăng trưởng tốt, thu nhập ngoài lãi giảm chậm lại và đặc biệt là giảm mạnh chi phí dự phòng. Cụ thể, trong Q4/2022 thu nhập từ lãi (NII) của OCB duy trì tăng trưởng tốt, +19,3% svck nhờ NIM cải thiện và tín dụng tăng trưởng tốt (+5,4% trong Q4). Thu nhập ngoài lãi (Non-NII) tiếp tục ghi nhận đà suy giảm, đạt 822 tỷ đồng, -28,1% svck do HĐ kinh doanh trái phiếu ghi nhận mức lãi thấp chỉ đạt 38 tỷ đồng so với 627 tỷ cùng kỳ, dù thu nhập lãi thuần HĐ dịch vụ (+22,9% svck) và thu nhập khác (+106,1% svck) vẫn tăng trưởng tốt. Điều này khiến tổng thu nhập hoạt động (TOI) của OCB đạt 2.649 tỷ đồng -0,9% svck.

Tín dụng của OCB ghi nhận mức tăng trưởng cao trong Q4/2022, tăng 4,8% so với quý trước, và tăng 18,5% trong cả năm 2022 đạt 122,8 nghìn tỷ đồng, ngân hàng cho biết điều này là nhờ trong tháng cuối năm ngân hàng đã nhận được thêm hạn mức tăng trưởng mới của NHNN. Trong danh mục tín dụng của năm 2022, đã có sự thay đổi lớn trong tỷ trọng cho vay, ngân hàng đã đẩy mạnh tín dụng cho nhóm khách hàng cá nhân với tỷ trọng cho vay tăng lên 62% từ 52% tổng tín dụng của năm 2021. Trong khi đó, tỷ trọng cho vay khách hàng doanh nghiệp giảm còn 30% từ 39% năm 2021. Tỷ trọng cho vay ngành BDS và xây dựng chiếm lần lượt 12,3% và 10,7% danh mục cho vay của OCB.

NIM Q4/2022 của OCB cải thiện mạnh so với cùng kỳ và so với quý trước đó đạt 4,14% (Q4/2021 là 3,76%, Q3/2022 là 4,01%), dù sức ép gia tăng chi phí huy động và CASA suy giảm diễn ra trên toàn ngành. Điều này được hỗ trợ bởi đà tăng trưởng tín dụng cao và tập trung cho vay nhóm khách hàng cá nhân, do đó lợi suất gộp đã tăng 1% so với quý trước, tăng nhanh hơn đà tăng của chi phí vốn (+0,9% so với quý trước). Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn tại thời điểm cuối Q4/2022 giảm còn 11,1% từ 15,8% trong Q4/2021, nguyên nhân là do mặt bằng lãi suất tăng khiến khách hàng thay đổi chính sách tiền gửi.

Chi phí hoạt động (OPEX) hợp nhất Q4/2022 của OCB tăng 29,8% svck, do chi phí nhân công tăng mạnh +31,9% svck, tuy nhiên CIR lại giảm còn 28,7% từ 38,8% quý trước. Cùng với đó, chi phí dự phòng hợp nhất giảm mạnh còn 148 tỷ đồng (-56,2% svck), giúp lợi nhuận sau thuế của OCB đạt 1.392 tỷ (-0,6% svck). Đây là 5 quý liên tiếp OCB ghi nhận tăng trưởng lợi nhuận âm.

Tổng kết cả năm 2022, nhờ tăng trưởng tín dụng của OCB vượt trội so với ngành (+18,5% so với 14,5% toàn ngành), NIM cả năm cải thiện đạt 3,94% so với mức thấp 3,6% năm 2021. Thu nhập từ lãi (NII) +22,2% svck trong khi thu nhập ngoài lãi (Non-NII) giảm mạnh, -50,9% svck hoạt động kinh doanh chứng khoán ghi nhận lỗ 217 tỷ so với lãi 1.948 tỷ đồng cùng kỳ. Điều này khiến tổng thu nhập hoạt động (TOI) của OCB giảm, -4,3% svck. Ngoài ra, việc chi phí hoạt động tăng cao, +28,0% svck đẩy lợi nhuận trước thuế của OCB giảm còn 4.389 tỷ đồng, -20,5% svck.

## Chất lượng tài sản cải thiện trong Q4/2022 nhưng nợ xấu cả năm vẫn tăng cao

Trái ngược với bối cảnh nợ xấu toàn ngành gia tăng trong Q4/2022, gây sức ép lên chất lượng tài sản toàn ngành. Tỷ lệ nợ xấu và nợ nhóm 2 của OCB đã cải thiện nhẹ, giảm lần lượt còn 2,23% (từ 2,47% Q3/2022) và 2,5% (từ 4,4% Q3/2022) trong Q4/2022. Theo chia sẻ của ngân hàng, công tác thu hồi nợ tốt và việc có thêm room tín dụng mới trong Q4 đã giúp tỷ lệ nợ xấu giảm. Tuy nhiên, tỷ lệ nợ xấu hiện tại vẫn cao hơn so với năm 2021 và cao hơn nhiều so với các ngân hàng khác. Hệ số LLR giảm còn 59% tại thời điểm cuối năm 2022 (từ 83% trong năm 2021), mức khá thấp so với các ngân hàng tư nhân khác. Nợ tái cấu trúc đến hết Q4/2022 giảm còn 419 tỷ đồng, giảm mạnh so với cuối năm 2021.

Ngân hàng cho biết, trong danh mục tín dụng cho vay BDS, tỷ lệ nợ xấu rất thấp và không đáng quan ngại. Năm 2023, danh mục tín dụng cho ngành BDS của OCB tập trung cho vay nhu cầu nhà ở (nhu cầu thực), trong đó chủ yếu cho vay các dự án của các đối tác chính của OCB như Nam Long (NLG) và Khang Điền (KDH), đối tượng khách hàng cho vay chính là các KH có thu nhập trung bình và khá. Ngân hàng cho biết, OCB sẽ không cho vay BDS đầu cơ.

**Bảng: KQKD của OCB quý 4 và cả năm 2022 (tỷ đồng)**

Nguồn: OCB

|                           | Q4/2022      | Q4/2021      | svck (%)      | 2022           | 2021         | svck (%)      |
|---------------------------|--------------|--------------|---------------|----------------|--------------|---------------|
| <b>Thu nhập từ lãi</b>    | <b>1.827</b> | <b>1.531</b> | <b>19,3%</b>  | <b>6.948</b>   | <b>5.686</b> | <b>22,2%</b>  |
| <b>Thu nhập ngoài lãi</b> | <b>822</b>   | <b>1.142</b> | <b>-28,1%</b> | <b>1.586</b>   | <b>3.233</b> | <b>-50,9%</b> |
| Lãi ròng từ HD dịch vụ    | 388          | 316          | 22,9%         | 1.014          | 785          | 29,3%         |
| Thu nhập từ đầu tư        | 117          | 673          | -82,6%        | (72)           | 2.048        |               |
| Ngoại hối                 | 80           | 46           | 73,2%         | 145            | 100          | 45,5%         |
| KD trái phiếu             | 38           | 627          | -94,0%        | (217)          | 1.948        |               |
| Thu nhập khác             | 317          | 154          | 106,1%        | 644            | 401          | 60,7%         |
| <b>Tổng thu nhập HD</b>   | <b>2.649</b> | <b>2.673</b> | <b>-0,9%</b>  | <b>8.534</b>   | <b>8.919</b> | <b>-4,3%</b>  |
| Chi phí HD                | (760)        | (586)        | 29,8%         | (3.077)        | (2.403)      | 28,0%         |
| <b>Chi phí dự phòng</b>   | <b>(148)</b> | <b>(337)</b> | <b>-56,2%</b> | <b>(1.067)</b> | <b>(998)</b> | <b>7,0%</b>   |
| LNTT                      | 1.741        | 1.750        | -0,6%         | 4.389          | 5.519        | -20,5%        |
| <b>LNST của ngân hàng</b> | <b>1.392</b> | <b>1.400</b> | <b>-0,6%</b>  | <b>3.510</b>   | <b>4.405</b> | <b>-20,3%</b> |

## Triển vọng kinh doanh 2023

Ngân hàng đánh giá, năm 2023 tiếp tục có nhiều thách thức, khi nhận thấy sự suy yếu trong dòng tiền của các doanh nghiệp, gây rủi ro phát sinh nợ xấu và tín dụng khó tăng cao. Minh chứng, trong những tháng đầu năm, nhu cầu tín dụng từ khách hàng của ngân hàng rất yếu, tăng trưởng tín dụng của OCB rất thấp. Ban lãnh đạo nhận định, mặt bằng lãi suất huy động và nhu cầu tín dụng sẽ chững lại trong nửa đầu năm, sau đó mặt bằng lãi suất này sẽ dần suy giảm từ cuối Q2/2023, OCB cũng như hệ thống ngân hàng sẽ đưa ra các gói ưu đãi lãi suất để kích cầu tín dụng trong thời gian sắp tới.

Ngân hàng cho biết, hiện chi phí vốn của OCB năm 2023 sẽ tăng cao hơn trong năm 2023 do đà tăng mặt bằng chi phí huy động, do đó NIM 2023 sẽ gặp nhiều thách thức và kỳ vọng giữ ổn định. Định hướng của OCB trong năm 2023 sẽ tiếp tục tập trung hoạt động kinh doanh cho vay bán lẻ, tập trung vào nhóm KH cá nhân có thu nhập TB và nhóm khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs). Năm 2023, OCB tiếp tục đầu tư sản phẩm số và mở rộng hơn nữa hệ sinh thái KH, kết hợp với công ty fintech và nhóm khách hàng thương mại điện tử.

Ban lãnh đạo chia sẻ mục tiêu duy trì LDR quanh 70-75% trong năm 2023 là giảm so với 75,6% năm 2022. Trong đó, riêng LDR thị trường 1 duy trì quanh 90%. Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn dưới 30%. Định hướng hệ số an toàn vốn CAR duy trì 12% trong năm 2023, trong trường hợp xấu nhất thì cũng không dưới 11%.

| Sàn giao dịch | Mã cổ phiếu | Vốn hoá (nghìn tỷ đ) | Giá hiện tại (VND) | Giá mục tiêu (VND) | LN kỳ vọng (%) | Tăng trưởng DT (%) |       | Tăng trưởng LNST |       | P/E  |       | P/B      |
|---------------|-------------|----------------------|--------------------|--------------------|----------------|--------------------|-------|------------------|-------|------|-------|----------|
|               |             |                      |                    |                    |                | 2021               | 2022F | 2021             | 2022F | 2021 | 2022F | Hiện tại |
| HOSE          | <b>MWG</b>  | 63,4                 | 43.300             | 61.900             | 43,0%          | 13,3               | 13,2  | 25,0             | -13,0 | 13,5 | 13,3  | 2,6      |
| HOSE          | <b>KDH</b>  | 19,9                 | 27.800             | 37.300             | 34,2%          | -17,4              | -25,7 | 4,3              | 20,0  | 18,2 | 14,7  | 1,7      |
| HOSE          | <b>DRC</b>  | 2,8                  | 23.500             | 31.000             | 31,9%          | 20,1               | 18,3  | 13,4             | 7,9   | 8,9  | 8,6   | 1,5      |
| HOSE          | <b>FPT</b>  | 89,5                 | 81.600             | 107.300            | 31,5%          | 19,5               | 19,0  | 22,5             | 31,8  | 21,0 | 13,6  | 4,3      |
| HOSE          | <b>PNJ</b>  | 27,1                 | 82.600             | 107.000            | 29,5%          | 12,0               | 63,1  | -3,4             | 66,5  | 27,0 | 12,6  | 3,2      |
| HOSE          | <b>PHR</b>  | 5,7                  | 42.100             | 54.000             | 28,3%          | 19,0               | -13,1 | -49,8            | 120,3 | 15,2 | 7,7   | 1,7      |
| HOSE          | <b>HAX</b>  | 1,2                  | 16.650             | 20.900             | 25,5%          | -0,3               | 21,5  | 28,2             | 69,9  | 9,0  | 4,6   | 1,0      |
| HOSE          | <b>FMC</b>  | 2,4                  | 36.500             | 45.000             | 23,3%          | 17,8               | 17,1  | 18,1             | 22,6  | 8,5  | 6,9   | 1,2      |
| HOSE          | <b>BFC</b>  | 1,0                  | 16.950             | 20.800             | 22,7%          | 42,2               | 20,4  | 64,5             | -7,1  | 5,4  | 7,0   | 0,9      |
| HOSE          | <b>VNM</b>  | 159,9                | 76.500             | 93.800             | 22,6%          | 2,2                | 2,6   | -5,1             | -5,8  | 15,9 | 15,7  | 5,4      |
| HOSE          | <b>ACB</b>  | 83,8                 | 24.800             | 30.000             | 21,0%          | 29,7               | 17,6  | 25,0             | 46,8  | 8,7  | 6,0   | 1,4      |
| HOSE          | <b>MBB</b>  | 82,7                 | 18.250             | 22.000             | 20,5%          | 35,0               | 18,0  | 53,7             | 42,2  | 6,8  | 4,2   | 1,1      |
| HOSE          | <b>DPR</b>  | 2,4                  | 54.900             | 65.800             | 19,9%          | 6,7                | 11,4  | 152,0            | 12,3  | 7,8  | 5,9   | 1,0      |
| HOSE          | <b>LHG</b>  | 1,1                  | 22.100             | 26.400             | 19,5%          | 21,5               | -6,2  | 48,5             | -32,2 | 3,7  | 3,8   | 0,7      |
| HOSE          | <b>TCB</b>  | 98,1                 | 27.900             | 33.000             | 18,3%          | 37,1               | 16,8  | 46,4             | 19,4  | 5,6  | 5,0   | 0,9      |
| HOSE          | <b>HDB</b>  | 46,5                 | 18.500             | 21.800             | 17,8%          | 21,6               | 30,5  | 42,5             | 34,4  | 7,9  | 4,3   | 1,3      |
| HOSE          | <b>MSH</b>  | 2,6                  | 34.450             | 40.000             | 16,1%          | 24,5               | 11,9  | 90,8             | -19,8 | 5,7  | 7,3   | 1,6      |
| HOSE          | <b>IMP</b>  | 3,6                  | 54.500             | 63.000             | 15,6%          | -7,5               | 22,1  | -9,8             | 17,4  | 19,1 | 18,2  | 1,9      |
| HOSE          | <b>PVT</b>  | 6,6                  | 20.400             | 23.300             | 14,2%          | -0,2               | 23,0  | -0,5             | 29,4  | 9,8  | 9,3   | 1,1      |

Xu hướng ngắn hạn: █ Tăng █ Sideway █ Giảm

| Ngày  | Mã cổ phiếu    | Bình luận kỹ thuật mới  |
|-------|----------------|---|
| 17/02 | <b>BSR</b>     | BSR bật tăng sau khi được hỗ trợ quanh vùng 15.5. Khả năng tăng giá của BSR vẫn còn nhưng cần cân nhắc áp lực cung sẽ gia tăng đáng kể tại vùng cản 17 - 18 trong ngắn hạn.   |
|       | <b>GVR</b>     | GVR vẫn có thể tiếp tục tăng nhờ quán tính. Tuy nhiên trong ngắn hạn, nên lưu ý rủi ro rung lắc tại cản 15.3.   |
|       | <b>MWG</b>     | Diễn biến hồi phục của MWG khá khiêm tốn với thanh khoản thấp, cho thấy dòng tiền vẫn còn thận trọng tại MWG. Dự kiến MWG sẽ chịu áp lực cản từ vùng 44.5 và tiếp tục quá trình thăm dò tại vùng 42 - 44.5. Tuy nhiên, cần lưu ý khả năng tiếp tục suy yếu nếu MWG đánh mất vùng hỗ trợ 42.                       |
|       | <b>PVS</b>     | PVS bật tăng sau nhiều phiên được hỗ trợ quanh vùng 24. Diễn biến tăng đã đưa PVS đến vùng cản cần lưu ý trong ngắn hạn là vùng 26 - 27.5. Dự kiến nguồn cung sẽ tăng đáng kể trong vùng này, nên tạm thời có thể cân nhắc khả năng chốt lời ngắn hạn đối với PVS.  |
|       | <b>SZC</b>     | SZC có thể sẽ còn tiếp tục tăng nhờ quán tính. Tuy nhiên, cần lưu ý áp lực cung gia tăng trở lại tại cản 29.9.  |
|       | <b>VGC</b>     | Có diễn biến hấp thụ quanh 33.3. Tuy nhiên, trong ngắn hạn cần lưu ý cản mạnh quanh 37 và nên chờ tín hiệu vượt cản dứt khoát hơn để cân nhắc tham gia.   |
|       | <b>VNIndex</b> | VN-Index tiếp tục được hỗ trợ và tăng điểm trở lại vùng cản 1.055-1.065 điểm. Áp lực cung có gia tăng quanh ngưỡng 1.055 điểm nhưng cũng chưa gây nhiều sức ép. Do đó, dự kiến VN-Index sẽ tiếp tục tiến sát 1.065 điểm trong phiên kế tiếp. Tuy nhiên có khả năng áp lực bán sẽ tăng đáng kể tại ngưỡng cản này. |

| Ngày MUA                   | Mã  | Giá Hiện tại | Giá KN MUA | Mục tiêu Ngắn hạn 1 | Mục tiêu Ngắn hạn 2 | Cắt lỗ | Giá đóng vị thế | Lời/ Lỗ | Trạng thái   | Biến động VN-Index (*) |
|----------------------------|-----|--------------|------------|---------------------|---------------------|--------|-----------------|---------|--------------|------------------------|
| 10/02                      | PVS | 26.40        | 23.80      | 28.00               | 30.50               | 22.30  | 26.40           | 10.9%   | Đóng 16/02   | -0.5%                  |
| 10/02                      | GAS | 107.90       | 106.50     | 119.50              | 130.00              | 100.80 |                 | 1.3%    |              | -0.5%                  |
| 07/02                      | DPM | 39.00        | 38.80      | 45.00               | 51.00               | 35.80  |                 | 0.5%    |              | -2.8%                  |
| 01/02                      | DGC | 53.30        | 60.00      | 70.00               | 79.00               | 56.80  | 56.80           | -5.3%   | Cắt lỗ 07/02 | -4.1%                  |
| 01/02                      | DTD | 12.60        | 14.00      | 17.00               | 20.00               | 12.80  | 12.80           | -8.6%   | Cắt lỗ 09/02 | -4.2%                  |
| 31/01                      | VTP | 27.30        | 29.00      | 35.00               | 41.00               | 26.90  | 26.90           | -7.2%   | Cắt lỗ 03/02 | -2.3%                  |
| 19/01                      | BSR | 16.60        | 15.50      | 18.00               | 20.50               | 14.40  |                 | 7.1%    |              | -3.6%                  |
| 19/01                      | CTD | 34.75        | 37.50      | 47.00               | 56.00               | 34.90  | 34.50           | -8.0%   | Cắt lỗ 13/02 | -5.0%                  |
| <b>Hiệu quả Trung bình</b> |     |              |            |                     |                     |        |                 |         | <b>-1.2%</b> | <b>-2.9%</b>           |

(\*) Biến động VN-Index tính từ ngày Khuyến nghị đến ngày đóng vị thế, làm cơ sở so sánh hiệu quả khuyến nghị.

**1. Sản phẩm Trái phiếu CTCP Dịch vụ Giải trí Hưng Thịnh Quy Nhơn kèm gói thanh khoản:**

| Thời hạn<br>(Tháng) | Suất sinh lợi (%/Năm) |               |
|---------------------|-----------------------|---------------|
|                     | Gói cố định           | Gói linh hoạt |
| Không kỳ hạn        | 2.00%                 | 2.00%         |
| 1                   | 7.60%                 | 7.60%         |
| 2                   | 8.10%                 | 7.80%         |
| 3                   | 8.50%                 | 8.10%         |
| 4                   | 8.80%                 | 8.40%         |
| 5                   | 9.10%                 | 8.70%         |
| 6                   | 9.40%                 | 9.00%         |
| 7                   | 9.50%                 | 9.10%         |
| 8                   | 9.60%                 | 9.20%         |
| 9                   | 9.70%                 | 9.30%         |
| 10                  | 9.80%                 | 9.40%         |
| 11                  | 9.90%                 | 9.50%         |
| 12                  | 10.00%                | 9.60%         |

**Ghi chú:**

- **Gói cố định:** Rồng Việt sẽ tìm bên mua lại Trái phiếu vào một ngày xác định.
- **Gói linh hoạt:** Rồng Việt sẽ tìm bên mua lại Trái phiếu vào bất kỳ ngày nào theo nhu cầu của Khách hàng.

(\*) Trái phiếu được đảm bảo bằng BĐS với tỷ lệ đảm bảo hơn 160% do VCB quản lý.

(\*\*) Suất sinh lợi ở bảng trên là suất sinh lợi thực nhận của nhà đầu tư.

**2. Sản phẩm Gói Mua nắm giữ 1 năm đối với Trái phiếu CTCP Dịch vụ Giải trí Hưng Thịnh Quy Nhơn với Suất sinh lời là 10.4%/năm.**

Quý Khách hàng vui lòng liên hệ Nhân viên quản lý tài khoản và các kênh sau để được tư vấn trực tiếp hoặc để lại thông tin Rồng Việt sẽ liên lạc trong thời gian sớm nhất.



chatDragon

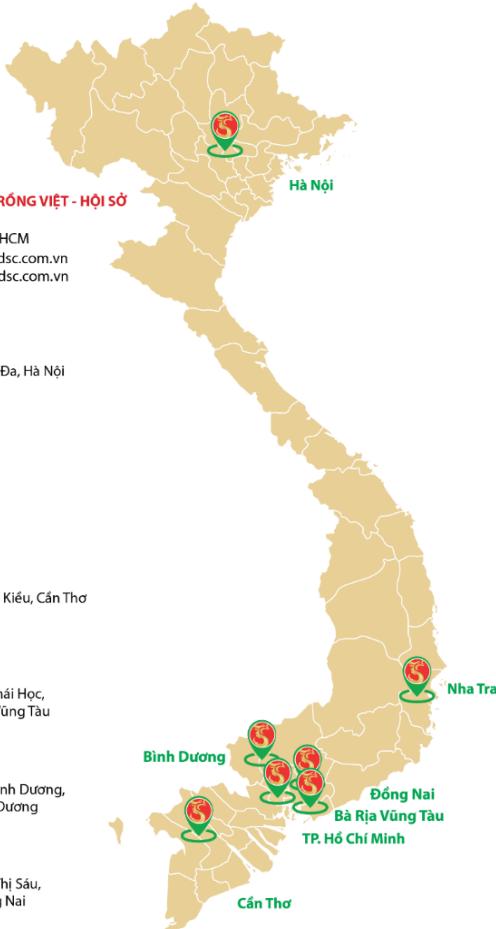


+84 28 6299 2020



cskh@vdsc.com.vn

## MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RÓNG VIỆT - HỘI SỞ**  
 Lầu 1-2-3-4, tòa nhà Viet Dragon  
 141 Nguyễn Du, P. Bến Thành, Q. 1, TP.HCM  
 ☎ (+84) 28 6299 2006 ☎ (+84) 28 6291 7986 ☎ (+84) 28 6294 9965  
 ☑ info.vdsc.com.vn ☑ www.vdsc.com.vn  
**MST** 0304734965

**CHI NHÁNH HÀ NỘI**  
 Tầng 10, Tòa nhà Eurowindow  
 02 Tôn Thất Tùng, P. Trung Tự, Q. Đống Đa, Hà Nội  
 ☎ (+84) 24 6288 2006 ☎ (+84) 24 6288 2008

**CHI NHÁNH NHA TRANG**  
 Tầng 7, số 76 Quang Trung, P. Lộc Thọ,  
 TP. Nha Trang, Khánh Hòa  
 ☎ (+84) 25 8382 0006 ☎ (+84) 25 8382 0008

**CHI NHÁNH CẦN THƠ**  
 Tầng 8, Tòa nhà Sacombank  
 95-97-99 Võ Văn Tân, P. Tân An, Q. Ninh Kiều, Cần Thơ  
 ☎ (+84) 29 2381 7578 ☎ (+84) 29 2381 8387

**CHI NHÁNH VŨNG TÀU**  
 Tầng 2 VCCI Building, số 155 Nguyễn Thái Học,  
 P.7, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu  
 ☎ (+84) 25 4777 2006

**CHI NHÁNH BÌNH DƯƠNG**  
 Tầng 3 Becamex Tower, số 230 Đại lộ Bình Dương,  
 P. Phú Hòa, TP. Thủ Đức, tỉnh Bình Dương  
 ☎ (+84) 27 4777 2006

**CHI NHÁNH ĐỒNG NAI**  
 Tầng 8 Tòa nhà TTC Plaza, số 53-55 Võ Thị Sáu,  
 P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
 ☎ (+84) 25 1777 2006

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Rong Viet Securities tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản cáo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được Rong Viet Securities thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của Rong Viet Securities. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của Rong Viet Securities đều trái luật. **Bản quyền thuộc Rong Viet Securities.**

## PHÒNG TƯ VẤN ĐẦU TƯ KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

**Trần Hà Xuân Vũ**

**Trưởng phòng**

vu.thx@vdsc.com.vn

+ 84 28 62992006 (1512)

**Nguyễn Minh Hiếu**

**Chuyên viên**

hieu.nm@vdsc.com.vn

+ 84 28 62992006 (1295)

**Nguyễn Huy Phương**

**Phó phòng**

phuong.nh@vdsc.com.vn

+ 84 28 62992006 (1241)

**Đinh Văn Hiển**

**Chuyên viên**

hien.dv@vdsc.com.vn

+ 84 28 62992006

**Nguyễn Đại Hiệp**

**Chuyên viên cao cấp**

hiep.nd@vdsc.com.vn

+ 84 28 62992006 (1331)

**Phạm Thu Hà Phương**

**Chuyên viên**

phuong1.pth@vdsc.com.vn

+ 84 28 6299 2006 (1372)